

Bản án số: 58/2024/HS-ST

Ngày: 18 – 3 – 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thanh Thảo.

2/ Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 235/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 78/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung T; sinh năm: 1987, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Số C chung cư N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Chung Tổ H (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 19/9/2014, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội “Đánh bạc”, thời hạn thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án (theo bản án số 169/2014/HSST ngày 19/9/2014) và đã chấp hành xong bản án.

+ Ngày 05/9/2019, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (theo bản án số 85/2019/HS-ST ngày 05/9/2019) và đã chấp hành xong bản án ngày 11/6/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2022 đến nay. (Có mặt).

- *Bị hại:*

1. Công ty TNHH T5; địa chỉ trụ sở: Số F T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Ngọc T1, nơi cư trú: Số D khu phố G, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh – là Tổng Giám đốc Công ty TNHH T5. (Vắng mặt).

2. Công ty TNHH H3 (địa chỉ trụ sở: Số E đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Nguyễn Tuyết H1, sinh năm: 1974; nơi cư trú: M12.12 chung cư C, đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – là Giám đốc Công ty TNHH H3. (Có mặt).

3. Bà Lý Phương N, sinh năm: 1987; nơi cư trú: A15/1 Quốc lộ E, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – là chủ Cửa hàng T6 (địa chỉ: Số C đường số A, ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt).

4. Bà Lê Thị Mỹ N1, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Số H B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – là chủ Cửa hàng ke nhôm Ngọc H2 (địa chỉ: Số C Quốc lộ A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Phạm Duy T2, sinh năm: 1989; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; chỗ ở: Số E L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) – là chủ Cửa hàng Đ (địa chỉ: Số E L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, nên Nguyễn Trung T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức giả vờ nộp đơn vào Công ty, Cửa hàng, T3 tạp hóa để xin làm nhân viên giao hàng, sau khi được giao hàng T sẽ chiếm đoạt và bỏ trốn, cắt đứt mọi liên lạc với bên giao hàng. Bằng thủ đoạn trên, Nguyễn Trung T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại các Quận trên địa bàn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1/ Tại Quận H:

Ngày 10/12/2022, T được nhận vào làm nhân viên thử việc giao hàng của Công ty TNHH T5 (địa chỉ: số F T, Phường D, Quận H). Khoảng 08 giờ 15 phút, ngày 12/12/2022, ông Lê Văn T4 là Phó Giám đốc Công ty T5 giao cho T đi giao hàng cho khách hàng tại địa chỉ: số A KP P, Quận G, đơn hàng là 01 bộ máy lạnh hiệu DAIKIN

gồm 01 dàn lạnh máy điều hòa không khí Daikin FBFC60DVM9, 01 dàn nóng máy điều hòa không khí Daikin RZFC60DVM và 01 remote dây Daikin BRC2E6. Anh Nguyễn Chê L1, là nhân viên kho trực tiếp giao bộ máy lạnh cho T. Sau khi T chờ hàng đi giao khoảng 30 phút thì nhân viên Công ty liên hệ khách hàng được biết chưa nhận được hàng, nên anh T4 gọi điện thoại cho T, nhưng không liên lạc được và T cũng không quay về Công ty. Ngày 19/12/2022, anh T4 đến Công an P, Quận H trình báo sự việc. Sau đó, vụ việc được lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q điều tra, làm rõ.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra đưa T về trụ sở làm rõ và T thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên. Sau khi nhận hàng trên từ anh L1, khoảng 09 giờ ngày 12/12/2022, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số: 84L1-314.05 chờ hàng đến bán tại cửa hàng Đ (địa chỉ: số E L, Phường A, quận G) với giá 11.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra, ông Phạm Duy T2 (là chủ cửa hàng Đ) khai nhận: Khoảng 09 giờ, ngày 12/12/2022, ông T2 có mua 01 bộ máy lạnh hiệu DAIKIN từ một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 11.000.000 đồng, lúc mua ông T2 không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Ngày 20/12/2022, ông T2 bán lại bộ máy lạnh trên cho khách hàng (qua mạng xã hội Facebook, không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 14.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận H kết luận: Trị giá 01 bộ máy lạnh hiệu DAIKIN gồm 01 dàn lạnh máy điều hòa không khí Daikin FBFC60DVM9, 01 dàn nóng máy điều hòa không khí Daikin RZFC60DVM và 01 remote dây Daikin BRC2E61 là 23.181.818 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn T4 đại diện cho Công ty TNHH T5 yêu cầu T bồi thường số tiền 25.500.000 đồng. Nhưng sau đó, ông Phạm Duy T2 (là chủ Cửa hàng Đ) đã bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, nên ông T4 chỉ yêu cầu T bồi thường số tiền còn lại là 15.500.000 đồng. Ông T2 không có yêu cầu T bồi thường số tiền 11.000.000 đồng đã trả cho T khi mua bộ máy lạnh nêu trên.

2/ Tại quận T:

Do không có tiền tiêu xài và không có việc làm ổn định, sau khi biết Công ty TNHH H3 đăng thông tin tuyển nhân viên giao hàng trên trang “Chợ Tốt”, nên T nảy sinh ý định xin vào làm nhân viên giao hàng cho Công ty TNHH H3 với mục đích khi Công ty giao hàng để chờ đi giao cho khách hàng thì T sẽ chiếm đoạt hàng hóa đi bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 06/12/2022, T đến nộp đơn xin việc tại Công ty TNHH H3 tại số E đường D, phường T, quận T và được bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 (là giám đốc của Công ty H3) đồng ý nhận T vào làm thử việc và giao cho T vị trí làm việc là nhân viên giao hàng và nhận hàng của Công ty. Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 06/12/2022, bà Lương Như N2 (là thủ kho của Công ty) giao cho T 02 đơn hàng (đơn đầu tiên gồm: 20 bộ nhôm, sên, đĩa và giao đến thành xe Thanh Tùng tại địa chỉ: số A A, Phường A, Quận H; đơn thứ 2 gồm: 35 bộ nhôm, sên, đĩa và giao đến thành xe Thanh Thủy tại số B T, Phường H, Quận E). Sau đó, T sử dụng xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu đen biển số: 34L1-574.05 (xe Thành mua trên Chợ Tốt của một người không quen biết, không rõ địa chỉ, lai lịch, hiện T đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch, địa chỉ) để chở số hàng nêu trên đi giao

cho khách hàng; nhưng T không đi giao số hàng trên đến các địa điểm mà Công ty yêu cầu mà chở hàng đến khu vực chợ T7, Quận E (không nhớ địa điểm) bán số hàng trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 4.100.000 đồng.

Đến khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, bà N2 gọi điện thoại di động cho T và yêu cầu T đến cơ sở xi mạ (địa chỉ: số H H, Phường A, Quận H) để nhận hàng về. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T chở số hàng trên về Công ty. Đến khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày, bà N2 tiếp tục giao cho T 02 đơn hàng (đơn 1 gồm: 32 bộ nhôm, sên, đĩa và giao đến chành xe Thanh Tùng tại địa chỉ A A, Phường A, Quận H; đơn 2 gồm: 12 bộ nhôm, sên, đĩa và giao đến chành xe Hữu Hậu tại địa chỉ số G N, Phường A, Quận E). Bà N2 dặn T sau khi giao xong thì đến cơ sở xi mạ tại địa chỉ số H H, Phường A, Quận H nhận hàng gồm: 380 đĩa và 300 nhôm xe gắn máy chở qua giao tại địa chỉ B T, phường P, quận T. Sau khi nhận đủ số lượng đơn hàng, T tiếp tục chở số hàng trên ra khu vực chợ T7, Quận E (không nhớ địa điểm) bán cho một người đàn ông khác (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000 đồng. Sau khi bán xong, T chạy xe đến cơ sở xi mạ tại địa chỉ số H H, Phường A, Quận H nhận hàng gồm: 380 đĩa và 300 nhôm xe gắn máy và T tiếp tục chở số hàng trên ra khu vực chợ T7, Quận E (không nhớ địa điểm) bán cho một người đàn ông khác (không rõ lai lịch) với giá 5.000.000 đồng. Sau khi bán xong, T bỏ trốn không về Công ty H3.

Tài sản T chiếm đoạt của Công ty H3 gồm: 99 bộ nhôm, sên, đĩa xe gắn máy, 380 đĩa xe gắn máy, 300 nhôm xe gắn máy, tổng số tiền T bán được là 11.100.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 174/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, thời điểm định giá ngày 06/12/2022, kết luận:

- 99 bộ nhôm sên đĩa xe gắn máy hiệu 3S trị giá 15.000.000 đồng;
- 380 đĩa xe gắn máy hiệu 3S trị giá 25.000.000 đồng;
- 300 nhôm xe gắn máy hiệu 3S trị giá 5.000.000 đồng;

Tổng trị giá tài sản trên là 45.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 yêu cầu T bồi thường số tiền 45.000.000 đồng.

3/ Tại huyện B:

Với thủ đoạn như trên, sáng ngày 24/12/2022, Nguyễn Trung T chuẩn bị sẵn 01 giấy phép lái xe hạng B2 và 01 giấy căn cước công dân phô tô tên Nguyễn Trung T, sau đó đi tìm chỗ xin việc làm. Đến 13 giờ cùng ngày, T đi ngang cửa hàng T6 (địa chỉ: số C đường Số A, ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) thấy phía trước có dán thông báo cần tìm người để phụ việc giao hàng, nên T vào trong cửa hàng gặp bà Lý Phương N (là chủ) để giả vờ xin việc làm; qua trao đổi, bà N đồng ý nhận T vào làm, nhưng không ký hợp đồng lao động, lương thỏa thuận là 300.000 đồng/ngày. Để làm tin, T đưa cho bà N 01 Giấy phép lái xe hạng B2 và 01 giấy căn cước công dân phô tô tên Nguyễn Trung T nêu trên.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bà N giao cho T một xe máy hiệu DEAHAN, biển số: 51S3-1706 và 10 thùng bia nhãn hiệu SAIGON GOLD để T chở giao cho khách là ông Đặng Hải D (tại địa chỉ: số I T, Phường E, Quận H), khi gặp được ông D, T giao 10 thùng bia và lấy số tiền hàng là 3.900.000 đồng xong thì T không đem về đưa lại cho bà N mà bỏ tiền vào túi quần rồi tắt máy điện thoại, điều khiển xe máy biển số: 51S3-1706 bỏ trốn, cắt đứt mọi liên lạc với bà N. Khoảng 02 ngày sau, T bỏ lại xe máy biển số: 51S3-1706 trên lề đường Quốc Lộ A, thuộc quận B (không nhớ rõ địa điểm). Số tiền 3.900.000 đồng chiếm đoạt của bà N, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản số 459/KL-HĐĐGTS ngày 24/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện B định giá tài sản xe gắn máy hiệu Deahan, biển số: 51S3-1706 đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 2.000.000 đồng; 10 thùng bia nhãn hiệu SAIGON GOLD, có giá trị là 3.900.000 đồng. Tổng tài sản do Nguyễn Trung T chiếm đoạt là 5.900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lý Phương N yêu cầu T bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000 đồng.

4/ Tại quận B:

Với thủ đoạn như trên, khi biết cửa hàng ke nhôm Ngọc H2 (tại địa chỉ: số C Q, phường B, quận B) của bà Lê Thị Mỹ N1 cần tuyển lao động, nên đến 12 giờ 30 phút ngày 27/12/2022, T đến cửa hàng ke nhôm Ngọc H2 gặp bà N1 xin vào làm việc. Sau khi xem hồ sơ của T thì bà N1 đồng ý cho Thành thử việc. Sau đó, bà N1 giao cho T 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream Yasuta biển số: 77C1-319.49 chở 07 thùng hàng gồm: Nhôm loại Vc0303N mạ, số lượng 03 thùng, mỗi thùng 276 cái; nhôm loại Vc3318 mạ, số lượng 2 thùng, mỗi thùng 500 cái; nhôm loại Vc3303A mạ, số lượng 2 thùng, mỗi thùng 276 cái để giao đến địa chỉ: số A T, phường T, quận T và giao đến địa chỉ: số D L, phường B, quận B.

Sau khi được bà N1 giao xe Dream Yasuta, biển số 77C1-319.49 và 07 thùng ke nhôm các loại, do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước, nên T điều khiển xe di chuyển ra đường Quốc Lộ 1 (hướng về tỉnh Long An), khi gần đến chợ B (không nhớ rõ địa điểm), T bán 07 thùng ke nhôm cho người đàn ông (không rõ lai lịch) với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi bán được hàng, T tắt máy điện thoại và điều khiển xe của bà N1 bỏ trốn; chiếc xe Dream Yasuta biển số 77C1-319.49, T sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến ngày 29/12/2022 thì bị Công an Q phát hiện và mời về làm việc cùng chiếc xe.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận B kết luận:

+ 01 xe mô tô hiệu Dream Yasuta, biển số 77C1-319.49, đã qua sử dụng có giá 2.200.000 đồng.

+ Thùng hàng nhôm loại VC 3303N mạ, số lượng 03 thùng, mỗi thùng 276 cái bằng 828 cái, chưa qua sử dụng, có giá 6.624.000 đồng.

+ Thùng hàng nhôm loại VC 3318N mạ, số lượng 02 thùng, mỗi thùng 500 cái bằng 1.000 cái, chưa qua sử dụng, có giá 4.000.000 đồng.

+ Thùng hàng nhôm loại VC 3303A mạ, số lượng 02 thùng, mỗi thùng 276 cái bằng 552 cái, chưa qua sử dụng, có giá 4.140.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản trên là 16.964.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Mỹ N1 yêu cầu T bồi thường số tiền 14.764.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

1/ Tại Quận H: 01 (một) xe hiệu Honda Air Blade màu đen, biển số: 84L1-314.05, số máy: JF63E-1308347; số khung: RLHJF630XF2308315, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho ông Nguyễn Văn L (do ông lượm không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Trung T).

2/ Tại quận T: 01 (một) đĩa DVD bên trong có lưu trữ hình ảnh Nguyễn Trung T đến xin việc làm và nhận hàng của Công ty H3 (hiện lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

3/ Tại huyện B: 01 (một) USB hiệu Sandisk, màu đen, bên trong có lưu trữ đoạn video ghi nhận hình ảnh có liên quan vụ án (hiện lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

4/ Tại quận B: 01 (một) xe Dream Yasuta, biển số: 77C1-319.49, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bà Lê Thị Mỹ N1.

Đối với ông Phạm Duy T2 (là chủ cửa hàng Đ) có hành vi mua 01 bộ máy lạnh hiệu DAIKIN do Nguyễn Trung T bán, nhưng do ông T2 không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có; sau đó ông T2 đã bán lại cho một khách hàng (qua mạng xã hội Facebook, không rõ lai lịch địa chỉ); nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh không đủ cơ sở pháp lý để xử lý ông T2.

Đối với những người đã mua các tài sản do Nguyễn Trung T phạm tội mà có, do không rõ nhân thân, lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không có đủ căn cứ pháp lý để xử lý.

* Bản cáo trạng số 209/CT-VKS-Q8, ngày 01/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trung T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về phân trách nhiệm dân sự:

+ Tại phiên tòa, bà Lý Phương N không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Trong giai đoạn điều tra, ông Phạm Duy T2 không có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 11.000.000 đồng mà trước đó ông T2 đã trả cho bị cáo để mua bộ máy lạnh mà bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty TNHH T5; sau đó, ông T2 đã phải trả số tiền 10.000.000 đồng cho phía Công ty TNHH T5 (có ông Lê Văn T4 đại diện nhận) và ông T2 vắng mặt tại phiên tòa; nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

+ Trong giai đoạn điều tra, phía Công ty TNHH T5 có yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 15.500.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần sau khi chấp hành án về; nên buộc bị cáo thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa, phía Công ty TNHH H3 (có bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 đại diện hợp pháp) có yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 45.000.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần sau khi chấp hành án về; nên buộc bị cáo thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Trong giai đoạn điều tra, bà Lê Thị Mỹ N1 có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 14.764.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần sau khi chấp hành án về; nên buộc bị cáo thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp (do không có liên quan đến vụ án) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

+ Các vật chứng khác không thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

+ Đối với 01 đĩa DVD và 01 USB, bên trong lưu giữ hình ảnh có liên quan đến vụ án; nên tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án

- Về số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có: Bị cáo không phải nộp lại số tiền 3.900.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước (đây là tiền có được do bị cáo bán 10 thùng bia mà bị hại N đã giao cho bị cáo và tại phiên tòa bà N không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này).

* Bị cáo Nguyễn Trung T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã nêu và không có ý kiến tranh luận, không bào chữa, bị cáo chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình.

* Phía Công ty TNHH H3 (có bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 đại diện hợp pháp) thống nhất với Cáo trạng truy tố, cũng như mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Trung T và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo T theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, bà H1 yêu cầu bị cáo T thực hiện bồi thường một lần số tiền 45.000.000 đồng theo quy định của pháp luật; ngoài ra bà H1 không có ý kiến tranh luận và không có yêu cầu gì khác.

* Bà Lý Phương N thống nhất với Cáo trạng truy tố, cũng như mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo Nguyễn Trung T và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo T theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời bà N xác định

không có yêu cầu bị cáo T thực hiện bồi thường dân sự; ngoài ra bà N không có ý kiến tranh luận và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, quận B, quận T, quận B (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh); của Điều tra viên thuộc các Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các Quận nêu trên, cũng như của Viện kiểm sát nhân dân các Quận nêu trên và của Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân các Quận nêu trên và của Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu.

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Trung T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Trung T đã bằng thủ đoạn gian dối (đã nảy sinh ý định từ trước bằng cách giả vờ nộp hồ sơ xin việc làm để sau khi được giao tài sản thì nhanh chóng chiếm đoạt theo kế hoạch đã được chuẩn bị trước) để làm cho bị hại tin tưởng đó là sự thật, nên đã giao tài sản (hàng hóa và phương tiện) nêu trên cho bị cáo mà không do dự và không nghi ngờ. Qua đó, bị cáo T đã chiếm đoạt tài sản của họ và đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Trung T đã chiếm đoạt, qua định giá là thuộc trường hợp có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Do đó, với hành vi như nêu trên, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Trung T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T là đối tượng không có nghề nghiệp, bản thân lại lười lao động, lấy việc lừa đảo tài sản của người khác làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính của bản thân. Bị cáo đã liên tục một mình 05 (năm) lần thực hiện tổng cộng 05 (năm) vụ chiếm đoạt tài sản, trong đó mỗi vụ chiếm đoạt có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng và có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập, chưa bị xử lý và còn trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; nên theo quy định tại Mục 5

Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội thuộc trường hợp “Có tính chất chuyên nghiệp”. Đồng thời, tổng trị giá tài sản mà bị cáo Nguyễn Trung T chiếm đoạt thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt được quy định tại điểm b và điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo; nên bị cáo Nguyễn Trung T phải bị xét xử theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về nhân thân của bị cáo Nguyễn Trung T: Bị cáo Nguyễn Trung T có quá trình nhân thân không tốt (được thể hiện tại phần lý lịch, nhân thân nêu trên), lẽ ra bị cáo phải biết sửa chữa, tu dưỡng và rèn luyện bản thân để phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội, nhưng ngược lại bị cáo vẫn cố ý tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật; nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, cũng tỏ ra biết ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, nên cũng phần nào có sự hạn chế về nhận thức pháp luật trong suy nghĩ của bị cáo; phía bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Trung T đã thực hiện: Bị cáo Nguyễn Trung T thực hiện hành vi phạm tội rất liều lĩnh, mặc dù trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong từng vụ gây thiệt hại không lớn so với tổng trị giá tài sản hiện có của bị hại, nhưng bằng thủ đoạn gian dối đã được bị cáo dự tính từ trước nhằm để bị hại không phát hiện ra và hành vi phạm tội này nếu không được phát hiện ngăn chặn kịp thời thì bị cáo sẽ còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đối với những người khác, cũng với thủ đoạn tương tự như trên. Do đó, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định; qua đó nhằm giáo dục, răn đe bị cáo, để bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình đã gây ra và sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, cho xã hội; đồng thời, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa tội phạm chung.

[7] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Trung T là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội. Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo Nguyễn Trung T tại phiên tòa là có cơ sở pháp luật, mức án đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của bị cáo Nguyễn Trung T về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở pháp luật, như Hội đồng xét xử đã phân tích như trên; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến của phía bị hại có mặt tại phiên tòa (Công ty TNHH H3 và bà Lý Phương N) về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo Nguyễn Trung T theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở pháp luật, như Hội đồng xét xử đã phân tích như trên; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Nhưng xét thấy, bị cáo Nguyễn Trung T không có nghề nghiệp, không có thu nhập và không có tài sản, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bà Lý Phương N không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.
- Trong giai đoạn điều tra, ông Phạm Duy T2 không có yêu cầu và vắng mặt tại phiên tòa; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Trong giai đoạn điều tra, phía Công ty TNHH T5 có yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 15.500.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần sau khi chấp hành án về.
- Trong giai đoạn điều tra, bà Lê Thị Mỹ N1 có yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền là 14.764.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần sau khi chấp hành án về.
- Tại phiên tòa, bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 (đại diện hợp pháp của Công ty TNHH H3) yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 45.000.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường, nhưng xin thực hiện nhiều lần sau khi chấp hành án về.

Xét, giữa bị cáo Nguyễn Trung T và phía bị hại đã thống nhất với nhau số tiền mà bị cáo phải thực hiện bồi thường cho bị hại như nêu trên; nhưng hai bên không thống nhất về phương thức và thời gian thực hiện bồi thường.

Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, bị cáo Nguyễn Trung T phải có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường một lần số tiền nêu trên cho các bị hại có yêu cầu bồi thường nêu trên, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[12] Về vật chứng:

- Đối với các công cụ, phương tiện mà bị cáo Nguyễn Trung T đã dùng vào việc phạm tội, nhưng qua điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp của các công cụ, phương tiện này không có liên quan đến vụ án; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với các vật chứng khác không thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với 01 đĩa DVD và 01 USB, bên trong lưu giữ hình ảnh có liên quan đến vụ án; nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[13] Về số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có: Bị cáo Nguyễn Trung T đã hưởng lợi số tiền là 3.900.000 đồng (đây là tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có và bị hại (bà Lý Phương N, là chủ cửa hàng T6) không có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này), nên không buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[14] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với ông Phạm Duy T2 (chủ cửa hàng Đ), do không biết tài sản đã mua của bị cáo Nguyễn Trung T là do bị cáo T phạm tội mà có và ông T2 không có liên quan đến vụ án; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với những người đã mua các tài sản của bị cáo Nguyễn Trung T do phạm tội mà có (trừ ông Phạm Duy T2), do không xác định được nhân thân, lai lịch; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không có căn cứ pháp lý để xử lý trong vụ án này là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b, điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Nguyễn Trung T.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với bị hại (bà Lý Phương N – là chủ Cửa hàng T6): Ghi nhận việc bà Lý Phương N không có yêu cầu bị cáo Nguyễn Trung T bồi thường.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Phạm Duy T2 – là chủ Cửa hàng Đ): Không xem xét giải quyết.

+ Đối với các bị hại: Công ty TNHH T5 (có bà Lê Ngọc T1 là đại diện hợp pháp), Công ty TNHH H3 (có bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 là đại diện hợp pháp), bà Lê Thị Mỹ N1 (là chủ Cửa hàng ke nhôm Ngọc H2):

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung T thực hiện bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại sau đây:

1/ Công ty TNHH T5 (có bà Lê Ngọc T1 là đại diện hợp pháp) với số tiền là 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

2/ Công ty TNHH H3 (có bà Vũ Nguyễn Tuyết H1 là đại diện hợp pháp) với số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

3/ Bà Lê Thị Mỹ N1 (là chủ Cửa hàng K) với số tiền là 14.764.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền mà bị cáo Nguyễn Trung T phải thực hiện bồi thường là 75.264.000 đồng (bảy mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có:

Không buộc bị cáo Nguyễn Trung T nộp lại số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB và 01 (một) đĩa DVD.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.763.200 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Bị cáo và bị hại có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15

(mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú